

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2590/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Bà Nguyễn Thị Lượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3876/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964

Thường trú: Đường M, Khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1961

Cư trú: Đường M, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Nhựt H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại quận Thủ Đức. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2011 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, hai bên không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa. Bà H đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông H không đồng ý, vẫn bỏ vợ con đi sống nơi khác. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2011 cho đến nay. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Nhựt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) vào năm 2009. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc là do lỗi lầm của ông H. Ông H không chăm sóc gia đình và không quan tâm đến vợ con. Ông H sống riêng đã 10 năm nay. Nay ông H không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn gia đình với bà H, vợ chồng đã lớn tuổi, ông H đã biết lỗi lầm của mình, mong bà H tha thứ, ông H chỉ mong bà H cho thêm 01 cơ hội cuối cùng.

Về con chung: Ông H và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Nhựt H không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình với bà H. Về con chung: Ông H và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Nhựt H. Bị đơn ông H đang cư trú tại

thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Nhựt H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 10/7/2009. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng đã không còn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại trên thực tế. Ông H không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn gia đình, vợ chồng đều đã lớn tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, việc đoàn tụ gia đình và hàn gắn mâu thuẫn phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả vợ và chồng. Ông H tuy có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà H không đồng ý. Hiện tại ông H và bà H vẫn đang sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông H không thể thay đổi hoàn cảnh sống hiện tại giữa ông H và bà H. Như vậy, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình giữa bà H và ông H không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 162, quyển số 01/94, đăng ký ngày 19/12/1994 và số 161, quyển số 01/96, đăng ký ngày 13/11/1996 tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), bà H và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Nhựt H.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Nhựt H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 12/12/1994 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 06/11/1996, đều đã thành niên.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Nhựt H xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0003325 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Nhựt H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu